

Số: /TTr-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam được Quốc hội khóa XIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thống nhất tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tạm giữ, tạm giam. Luật đã quy định nhiều nội dung mới quan trọng nhằm thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp; đồng thời, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự; đánh dấu bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về an ninh, trật tự nói riêng; đáp ứng yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người thi hành tạm giữ, tạm giam cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Việc sửa đổi, bổ sung Luật này dựa trên cơ sở chính trị, pháp lý sau:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022) đề ra bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân cần "Tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công

dân” và nhiệm vụ xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự, trong đó cần “*Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật*”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó, chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm.

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó đề ra giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh.

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, trong đó đề ra nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó, có nội dung Nhà nước ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã bổ sung các quy định nhằm cụ thể hoá quyền con người quy định tại Hiến pháp năm 2013, tuy nhiên, để tiếp tục cụ thể hoá các quy định về quyền con người, bảo đảm nguyên tắc “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013), thì cần nghiên cứu sửa đổi các quy định về thi hành tạm giữ, tạm giam, trong đó, bổ sung các quy định cụ thể về thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tạm giữ, tạm giam được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, chặt chẽ trong công tác tạm giữ, tạm giam; (2) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật được tiến hành kịp thời đồng bộ

với nội dung và hình thức đa dạng, sinh động; (3) Hệ thống tổ chức của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam được kiện toàn từ cấp bộ, cấp tỉnh đến cấp huyện đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, hiện nay, cả nước có 78 trại tạm giam, 720 nhà tạm giữ, 247 buồng tạm giữ (Bộ Công an đang quản lý 69 trại tạm giam, 703 nhà tạm giữ, Bộ Quốc phòng quản lý 09 trại tạm giam, 17 nhà tạm giữ và 247 buồng tạm giữ của đồn biên phòng); (4) Việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ từ khâu tiếp nhận, phân loại, bố trí giam giữ, điều chuyển trích xuất, xử lý kỷ luật và giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, chết, phạm tội mới từng bước đi vào nền nếp, thống nhất; việc thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, tạm giam, người bị tạm giữ, tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, thực hiện chế độ đối với người bị kết án tử hình đang bị tạm giam được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; (5) Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý giam giữ đã và đang được Nhà nước quan tâm đầu tư, xây dựng. Biên chế cán bộ, chiến sĩ ngày càng tăng về chất lượng; cán bộ, chiến sĩ công tác ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ, buồng tạm giữ đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ nên đã hạn chế nhiều sai phạm xảy ra; (6) Việc thực hiện cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam bước đầu đã đạt được hiệu quả; công tác kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam đạt hiệu quả tốt, khắc phục, xử lý ngay những vi phạm trong công tác quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam; (7) Công tác phối hợp giữa cơ sở giam giữ với các cơ quan có thẩm quyền tố tụng, các cơ quan có liên quan đến công tác thi hành tạm giữ, tạm giam được duy trì thường xuyên, liên tục, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sau hơn 06 năm triển khai thi hành, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

Một là, phạm vi điều chỉnh của Luật chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, do đó, cần nghiên cứu mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật để bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) thì có 08 biện pháp ngăn chặn gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Trong đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định tương đối cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành các biện pháp ngăn chặn, gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh nên thuận lợi trong quá trình thi hành. Đối với biện pháp tạm giữ, tạm giam đã được quy định trong Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, còn biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú chưa được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục để thi hành nên còn khó khăn,

vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Theo quy định, cấm đi khỏi nơi cư trú là một trong tám biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì bị tạm giam.

Thực hiện các quy định của pháp luật, trong thời gian từ 01/01/2018 đến hết ngày 30/6/2024, các cơ quan điều tra của Công an nhân dân đã quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 342.080 đối tượng. Theo thống kê, các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 2.750 đối tượng phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, 11.404 đối tượng phạm tội rất nghiêm trọng, 77.006 đối tượng phạm tội nghiêm trọng và 253.556 đối tượng phạm tội ít nghiêm trọng; 22.350 đối tượng là chủ mưu, cầm đầu, 57.098 đối tượng là đồng phạm trong các vụ án; 21.813 đối tượng đã có tiền án, tiền sự. Trong tổng số 342.080 đối tượng được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 21.813 đối tượng do được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về tình hình vi phạm của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 3.861 đối tượng vi phạm nghĩa vụ theo quy định của khoản 3 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trở lại đối với 2.007 đối tượng vi phạm nghĩa vụ; ban hành 2.030 lệnh truy nã (đã bắt được 1.715 đối tượng) và có 845 đối tượng tiếp tục phạm tội mới. Đặc biệt, trong số 3.861 đối tượng vi phạm nghĩa vụ chủ yếu là đối tượng trước khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú các cơ quan có thẩm quyền đã áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Từ thực tiễn nêu trên thấy rằng, việc thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú còn nhiều bất cập, đặc biệt còn tình trạng các đối tượng sau khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bỏ trốn, phạm tội mới, vi phạm nghĩa vụ. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do:

- Chưa có trình tự, thủ tục thi hành biện pháp này kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Tình trạng bỏ trốn, phạm tội mới, vi phạm nghĩa vụ thường xảy ra ở những đối tượng được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng chưa có biện pháp quản lý, giám sát, theo dõi chặt những đối tượng này.

Ngoài ra, việc cho đối tượng tại ngoại nhưng dùng phương thức quản lý, giám sát bằng thủ công, hành chính nên dẫn đến nhiều hệ lụy, giảm hiệu quả trong quản lý nhà nước an ninh, trật tự, cụ thể như sau:

- Không giám sát được di biến động của đối tượng nên dẫn đến việc các

đối tượng này có thể lôi kéo, rủ rê người khác phạm tội; đi đến các địa phương khác phạm tội mà cơ quan quản lý, giám sát không nắm được...;

- Hiệu quả theo dõi giám sát thấp, còn xảy ra tình trạng đối tượng sau khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bỏ trốn, phạm tội mới, vi phạm nghĩa vụ, nên cơ quan điều tra hạn chế áp dụng biện pháp này, dẫn đến quá tải trong các cơ sở giam giữ;

- Với biên chế hiện nay mà sử dụng phương thức quản lý, giám sát bằng thủ công, hành chính thì không đủ nguồn lực để thực hiện quản lý, giám sát đối với những đối tượng này.

Vì vậy, cần quản lý, giám sát chặt chẽ các đối tượng này bằng công nghệ theo hướng đeo thiết bị giám sát điện tử để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát đối với bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (nắm di biến động, phòng ngừa phạm tội mới, bỏ trốn, vi phạm nghĩa vụ), từ đó tạo cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền mở rộng áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú với nhiều đối tượng, hạn chế được tình trạng quá tải tại cơ sở giam giữ, giảm chi phí quản lý và tăng lao động xã hội.

Do đó, mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam để bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; đồng thời, đổi tên Luật thành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Cùng với đó, dự thảo Luật sẽ bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (cơ quan có trách nhiệm thi hành, cơ chế giám sát, quản lý và các điều kiện bảo đảm để thi hành biện pháp ngăn chặn). Ngoài ra, sẽ bổ sung quy định về giám sát điện tử đối với bị can, bị cáo thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 119 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 khi họ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; việc bổ sung quy định giám sát điện tử sẽ giúp công tác quản lý, giám sát, theo dõi tốt hơn những đối tượng này, nhất là các đối tượng đã có nhân thân phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ tái phạm góp phần phòng ngừa các đối tượng này bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm bình yên của xã hội. Tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, một số nước như Nga, Trung Quốc, Thái Lan... đã sử dụng thiết bị vòng đeo để kiểm soát sự có mặt của người bị tình nghi hoặc bị can, bị cáo tại nơi thi hành biện pháp ngăn chặn dưới hình thức quản thúc tại gia và tuân thủ những điều cấm.

Hai là, chưa có quy định cụ thể về mô hình các cơ sở giam giữ để áp dụng đồng bộ, thống nhất và việc ứng dụng khoa học, công nghệ để quản lý cơ sở giam giữ này nhằm đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn; do đó, cần nghiên cứu bổ sung quy định nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và vận hành cơ sở giam giữ

Thời gian qua Đảng, Nhà nước đã rất quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và đã đem lại những kết quả tích cực. Tuy nhiên, thực tiễn công tác quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam thời gian qua đã xuất hiện nhiều bất cập như:

- Các cơ sở giam giữ hiện nay được xây dựng theo mô hình thiết kế trước đây với hạng mục công trình có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật không thống nhất do thời điểm xây dựng khác nhau (đa số thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về công trình xây dựng dân dụng thông thường), có những công trình, hạng mục được xây dựng trên 20 năm đã xuống cấp nhưng chưa được cải tạo, sửa chữa hoặc khi sửa chữa, nâng cấp lại không có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đặc thù để triển khai áp dụng nên không bảo đảm đồng bộ, không đáp ứng được yêu cầu giam giữ, học tập, sinh hoạt, chăm sóc y tế, ăn ở dẫn đến tình trạng quá tải, vượt quy mô giam giữ, không đảm bảo chế độ ăn, diện tích nằm tối thiểu cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam..., không bảo đảm điều kiện quản lý, các quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị ảnh hưởng hoặc bị hạn chế; đồng thời, cũng chưa bảo đảm điều kiện về làm việc, học tập, sinh hoạt cho cán bộ công tác tại các cơ sở giam giữ.

- Công tác quản lý của các cơ sở giam giữ vẫn thực hiện theo phương thức thủ công, mang tính chủ quan, cơ bản dựa vào kinh nghiệm, trực quan, kỹ năng của cán bộ thực hiện công tác thi hành tạm giữ, tạm giam như: Các cơ sở giam giữ chưa được trang bị đồng bộ hệ thống trung tâm chỉ huy để tập trung chỉ đạo, điều hành, quản lý liên thông giữa các cơ sở giam giữ với cơ quan quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam ở Bộ; hoạt động thu thập thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ sở giam giữ còn chưa kịp thời, thiếu hiệu quả, các thông tin thiếu tính đồng bộ; chưa trang bị hệ thống kiểm soát an ninh, soi chiếu (công từ, máy dò, máy quét); hệ thống giám sát hình ảnh, âm thanh chưa hoàn thiện với chất lượng chưa đồng đều, mô hình kết nối, chia sẻ, trích xuất dữ liệu chưa hiệu quả, thiếu tính liên kết, chưa ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong phân tích và xử lý thông tin, hình ảnh và việc giám sát cơ bản được thực hiện bằng con người là chính; chưa trang bị hệ thống kiểm soát người ra - vào ứng dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt và tích hợp các thông tin từ giấy tờ cá nhân; không được trang bị thiết bị phát hiện, cảnh báo và chế áp các thiết bị bay không người lái vào khu vực của cơ sở giam giữ trong khi các thiết bị này có khả năng di chuyển linh hoạt, vận chuyển khối lượng vật chất lớn, di chuyển nhanh, ít gây tiếng ồn, được điều khiển từ xa với độ chính xác rất cao, không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết và việc sản xuất, sử dụng các loại thiết bị này chưa được quản lý chặt chẽ, việc mua bán tương đối dễ dàng trên thị trường.

- Số lượng biên chế thực hiện công tác quản lý cơ sở giam giữ bị giới hạn trong khi khối lượng công việc ngày càng tăng, cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, việc số hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, quản lý các cơ sở giam giữ chưa được triển khai, còn nhiều khâu thực hiện thủ công dẫn đến hiệu quả không cao và tạo áp lực rất lớn đối với đội ngũ làm công tác thi hành tạm giữ, tạm giam tại các cơ sở giam giữ; mặt khác, môi trường công việc của đội ngũ cán bộ làm công tác này tại các cơ sở giam giữ đối mặt nhiều nguy hiểm, luôn bị tội phạm, người bị tạm giữ, người bị tạm giam và đối tượng bên ngoài cơ sở giam giữ dùng mọi thủ đoạn nhằm tác động, dụ dỗ, mua chuộc, khống chế nên có nguy cơ dẫn đến sai

phạm. Từ trước đến nay, việc phòng ngừa sai phạm của cán bộ, chiến sĩ làm công tác thi hành tạm giữ, tạm giam mới chỉ chủ yếu thông qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; chưa có cơ chế áp dụng khoa học công nghệ hiện đại để giám sát, phòng ngừa cán bộ, chiến sĩ vi phạm pháp luật.

- Hiện nay, đa số lưu lượng tại các cơ sở giam giữ đều vượt quá thiết kế ban đầu (có nơi gấp 3 – 4 lần), dự kiến lưu lượng tại các cơ sở giam giữ sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới do tình hình tội phạm tiếp tục diễn biến phức tạp, gây quá tải trong các cơ sở giam giữ, từ đó đặt ra yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý giam giữ để tránh tình trạng người bị tạm giữ, người bị tạm giam tự sát, bỏ trốn, thông cung, phục vụ tốt hơn công tác điều tra, truy tố, xét xử. Theo thống kê, từ năm 2018 đến năm 2023, tại các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân đã xảy ra 159 vụ với 204 đối tượng người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trốn; 198 đối tượng chết do tự sát; 17 đối tượng chết do bị đánh; 2.241 vụ việc phạm nhân, thân nhân đưa đồ vật cấm vào cơ sở giam giữ; 04 vụ việc bị xử lý liên quan đến ma túy. Các cơ sở giam giữ thuộc Bộ Quốc phòng đã xảy ra 04 trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam trốn; 04 trường hợp chết do bệnh lý; 02 trường hợp chết do tự tử; 01 trường hợp chết do tự sát.

Với những bất cập nêu trên, trước kết quả công tác quản lý các cơ sở giam giữ thời gian qua và tình hình tội phạm sẽ diễn biến phức tạp trong thời gian tới, số lượng người bị tạm giữ, người bị tạm giam sẽ còn tiếp tục tăng, cũng như diễn biến tình hình đối tượng, tội phạm triệt để sử dụng công nghệ hiện đại (thiết bị bay không người lái) để can thiệp, xâm phạm an ninh, an toàn cơ sở giam giữ, việc loại trừ, ngăn chặn tối đa vận chuyển ma túy, vũ khí, chất cấm, điện thoại di động được vào cơ sở giam giữ là rất khó khăn dẫn đến nguy cơ người bị tạm giữ, người bị tạm giam sử dụng chất ma túy, chất cấm trong cơ sở giam giữ, sử dụng vũ khí để tự sát, đánh nhau, giết người, trốn khỏi cơ sở giam giữ, chống phá cơ sở giam giữ hay sử dụng điện thoại để liên lạc ra bên ngoài, thông cung..., nguy cơ mất an ninh, an toàn cơ sở giam giữ ngày càng phức tạp. Đồng thời, việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường kiểm tra điều lệnh, quy trình công tác đối với đội ngũ làm công tác thi hành tạm giữ, tạm giam là chưa đủ loại trừ nguy cơ làm mất an ninh, an toàn từ phía cán bộ làm công tác thi hành tạm giữ, tạm giam tại cơ sở giam giữ. Do đó, cần phải có quy định trong Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam về mô hình cơ sở giam giữ ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại đồng bộ, thống nhất; quy định về thiết kế, xây dựng cơ sở giam giữ, hạng mục công trình thuộc cơ sở giam giữ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đặc thù (chống phá hoại, chống trốn, chống tự sát và bảo đảm an ninh, an toàn cơ sở giam giữ); đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, công tác quản lý cơ sở giam giữ.

Ba là, một số quy định của Luật còn nhiều vướng mắc, bất cập, chưa đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan; do đó, cần nghiên cứu bổ sung quy định nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập và đảm bảo tính

đồng bộ trong quá trình thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam

Sau hơn 06 năm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Những vướng mắc, bất cập: (1) Các quy định về chế độ quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc (chưa có quy định cụ thể về: Chuyển giao người bị bắt theo quyết định truy nã cho cơ quan đã ra quyết định truy nã; thời điểm thực hiện các công việc để tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp trước thời điểm tổ chức tiếp nhận mà người bị tạm giữ, tạm giam bị bệnh nặng cần kịp thời điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế; quy định về điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam; trích xuất phục vụ công tác tạm giam, tham gia thực hiện giao dịch dân sự; chưa có quy định về thẩm quyền của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh trong điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ các buồng tạm giữ của đồn Biên phòng đến các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân...); (2) Chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, của người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án chưa thực sự hoàn thiện như: Chưa có quy định cụ thể về chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù, người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án; định lượng quà là đồ ăn, uống cho mỗi lần gửi của người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn thấp chưa phù hợp với thực tiễn; chưa có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án;...; ngoài ra, số lượng người bị kết án tử hình liên tục tăng, trong khi đó cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ để phục vụ quản lý, giam giữ tại một số trại tạm giam chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải giam giữ, mất an toàn, do đó cần có quy định mang tính nguyên tắc về điều kiện đảm bảo các điều kiện bảo đảm phục vụ quản lý chặt chẽ đối với người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án.

- Một số quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (hiện nay Luật này đã bỏ quy định về hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước theo tuyến mà quy định theo các cấp khám chữa bệnh); Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 (Luật đã quy định quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam)....

Do đó, để giải quyết những vấn đề nêu trên cần sửa đổi một số quy định của Luật nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập và đảm bảo tính đồng bộ trong quá trình thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

Với những lý do nêu trên thì việc nghiên cứu để sửa đổi Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam là yêu cầu cấp thiết, khách quan và bảo đảm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác tạm giữ, tạm giam trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

Mục đích xây dựng Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; tiếp tục cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc áp dụng khoa học – kỹ thuật, công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đề cao hiệu quả phòng ngừa trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

a) Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cơ chế thi hành án hình sự, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế và thực tiễn công tác thi hành án hình sự của một số quốc gia trên thế giới bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

d) Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính kế thừa, tính khả thi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú điều chỉnh về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; chế độ quản lý giam giữ; chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam; người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; thi hành quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; khiếu nại tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; trách nhiệm quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, sẽ sửa đổi cơ bản các quy định trong Luật thi hành tạm giữ, tạm giam hiện hành nhằm giải quyết những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

2. Xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo Luật.

3. Đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

4. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Luật và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Ngày.../.../202..., Bộ Tư pháp có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP về việc thẩm định đối với Hồ sơ dự án Luật. Bộ Công an đã có Báo cáo số/BC-BCA ngày .../.../202.../ giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Ngày .../.../202..., Bộ Công an có Tờ trình số .../TTr-BCA trình Chính phủ dự án Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi).

6. Ngày .../.../202..., Thường trực Chính phủ đã họp cho ý kiến về dự án Luật. Bộ Công an đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại phiên họp này để hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm 13 chương (trong đó bổ sung 02 chương mới), 93 điều (tăng 20 điều so với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam), trong đó, sửa đổi, bổ sung nội dung 53 điều, xây dựng mới 22 điều, bỏ 02 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 08 điều: từ Điều 1 đến Điều 8);

Chương II. Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 7 điều: từ Điều 9 đến Điều 15);

Chương III. Chế độ quản lý giam giữ (gồm 12 điều: từ Điều 16 đến Điều 27);

Chương IV. Chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (gồm 05 điều: từ Điều 28 đến Điều 32);

Chương V. Chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (gồm 04 điều: từ Điều 33 đến Điều 36);

Chương VI. Chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (gồm 02 điều: Điều 37 và Điều 38);

Chương VII. Thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 09 điều: từ Điều 39 đến Điều 47);

Chương VIII. Bảo đảm điều kiện quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 03 điều: từ Điều 48 đến Điều 50);

Chương IX. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 11 điều: từ Điều 51 đến Điều 61);

Chương X. Kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 02 điều Điều 62 và Điều 63);

Chương XI. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 02 mục và 18 điều: từ Điều 64 đến Điều 81);

Chương XII. Trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 10 điều: từ Điều 82 đến Điều 91);

Chương XIII. Điều khoản thi hành (gồm Điều 92 và Điều 93).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Về những quy định chung (Chương I)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; kiểm sát hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; giám sát việc thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; những hành vi bị nghiêm cấm; quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bỏ 01 điều về đối tượng áp dụng cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về “Phạm vi điều chỉnh” tại Điều 1 theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam bổ sung quy định về thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; việc sửa đổi nội dung của điều này để phù hợp với bố cục, nội dung được quy định trong Dự thảo Luật này.

- Bổ sung giải thích từ ngữ về: (1) Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Giám sát điện tử; (3) Thiết bị giám sát điện tử; (4) Trung tâm quản lý, giám sát người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (5) Hệ thống máy chủ giám sát. Việc bổ sung này nhằm tạo sự thống nhất trong cách hiểu thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Luật.

- Sửa đổi giải thích từ ngữ về thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo hướng thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột, cô ruột, cháu ruột của họ. Việc sửa đổi này tạo sự thống nhất trong cách hiểu trong

dự thảo Luật và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Bổ sung các quy định có liên quan đến thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Việc bổ sung này để hoàn thiện quy định về tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.2. Về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương II)

Chương này quy định về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; hệ thống tổ chức cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của nhà tạm giữ, trại tạm giam; cơ cấu, tổ chức của nhà tạm giữ, trại tạm giam; buồng tạm giữ thuộc đồn biên phòng; trách nhiệm của Công an cấp xã trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bổ sung 01 Điều và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Bổ sung 01 điều quy định về trách nhiệm của Công an cấp xã trong thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 15), theo đó trong thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú Công an xã có trách nhiệm: (1) Tiếp nhận người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến trình diện; (2) Quản lý, cấp, gắn, thu hồi thiết bị giám sát điện tử cho người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (3) Quản lý, giám sát người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại nơi cư trú; lập biên bản người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (4) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về việc người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (5) Xác minh, kiểm danh, kiểm diện khi người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhận được thông báo của Trung tâm quản lý, giám sát cấp huyện về việc người đó có hành vi phá hủy, làm mất tính năng, tác dụng của thiết bị giám sát điện tử; đi khỏi nơi cư trú mà không xin phép.

- Bổ sung quy định nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan quản lý trong quản lý, vận hành Trung tâm quản lý, giám sát và nhiệm vụ điều chuyển người bị tạm giữ từ các buồng tạm giữ của đồn Biên phòng đến các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân; sửa đổi cơ cấu, tổ chức của nhà tạm giữ, trại tạm giam theo hướng bổ sung nhà tạm giữ có phòng là điểm cầu thành phần đề phục vụ xét xử trực tuyến, trung tâm chỉ huy điều hành phục vụ việc kiểm tra, giám sát, phân tích hình ảnh; bổ sung trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trình độ, tiêu chuẩn của Trưởng nhà tạm giữ, Phó Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng trại tạm giam; bổ sung trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an trên cơ sở thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và

các bộ có liên quan quy định về quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng các cơ sở giam giữ và các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ đảm bảo an toàn tuyệt đối.

2.3. Về chế độ quản lý giam giữ (Chương III)

Chương này quy định về tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam; phân loại quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam; thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chuyên giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam; việc gặp thân nhân, người bào chữa, của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; việc tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; kỷ luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ; quản lý đồ vật, tư trang, tiền, tài sản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bổ sung 01 Điều và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Bổ sung 01 điều về việc tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, trong đó quy định cụ thể về: Tiếp xúc lãnh sự; việc tổ chức cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài tiếp xúc lãnh sự; các trường hợp không giải quyết tiếp xúc lãnh sự; trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức tiếp xúc lãnh sự; trách nhiệm của cán bộ theo dõi tiếp xúc lãnh sự; trách nhiệm của người đến tiếp xúc lãnh sự; thời gian tiếp xúc lãnh sự.

- Bổ sung quy định chính như sau: (1) Trách nhiệm thực hiện ngay các công việc khi tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam, riêng đối với một số nhiệm vụ như lập danh chỉ bản, khám sức khỏe sẽ quy định cụ thể thời hạn thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn; bổ sung nội dung về thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói; (2) Quy định về trước thời điểm tổ chức tiếp nhận mà người bị tạm giữ, tạm giam bị bệnh nặng cần kịp thời điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế theo hướng người đã có lệnh, quyết định tạm giữ, tạm giam bị thương tích, bệnh nặng cần phải điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế, nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc đe dọa đến tính mạng của họ thì cơ quan đang thụ lý vụ án áp giải ngay người đó đến cơ sở y tế và phối hợp với cơ sở giam giữ, cơ sở y tế tổ chức bàn giao, tiếp nhận và quản lý theo quy định; (3) Quy định về sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói vào khoản 1 của Điều luật và cụ thể các tài liệu hồ sơ kèm theo khi bàn giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam; (4) Thẩm quyền của Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam, Trưởng buồng tạm giữ đồn biên phòng phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án quyết định bằng văn bản những người đang bị quản lý, giam giữ tại cơ sở giam giữ được giam giữ chung; bổ sung quy định bố trí theo khu và phân loại đối với

người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người bị nhiễm HIV/AIDS và phạm nhân; (5) Quy định về việc áp giải, quản lý và kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ ăn, ở, sinh hoạt đối với người được trích xuất, trong đó đối với trường hợp thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam phục vụ công tác xét xử thì không giao cho cơ quan, người có thẩm quyền ra lệnh trích xuất mà người này vẫn thuộc quản lý của cơ quan thực hiện nhiệm vụ áp giải.

2.4. Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV), chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V) và chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI).

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV) quy định về các chế độ: Ăn, ở; mặc và tư trang; gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu; chăm sóc y tế; sinh hoạt tinh thần của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý và gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi; chế độ ăn, ở và quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Về chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau: Việc sử dụng quà, tiền gửi lưu ký để ăn thêm của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo hướng phù hợp với thực tiễn; định lượng quà là đồ ăn, uống cho mỗi lần gửi của người bị tạm giữ, người bị tạm; định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài; quy định về gửi, nhận thư, sách báo tài liệu của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; quy định về chế độ, kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; quy định cụ thể về số lần cấp phát báo cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam; quy định về ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong quản lý giam giữ đối với người thi hành án tử hình đảm bảo an toàn.

2.5. Về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương VII)

Chương này quy định về: Gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; trường hợp giám sát điện tử; trình tự, thủ tục, hồ sơ thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; việc lao động, học tập của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú; giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú; xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ.

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã nêu ở trên, cần thiết phải bổ sung quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; về việc lao động, học tập của người được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; áp dụng giám sát điện tử phòng ngừa người được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thi hành giám sát điện tử.

Giám sát điện tử được áp dụng đối với người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bằng cách gắn thiết bị giám sát điện tử (vòng đeo tay hoặc đeo chân) trong thời gian áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để theo dõi quản lý di biến động của các đối tượng, có thể nhận dạng từ xa, theo dõi vị trí của người đó và có một hệ thống tích hợp để giám sát việc tháo, mở thiết bị trái phép.

Do đó, Luật mở rộng phạm vi điều chỉnh bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.6. Về bảo đảm điều kiện quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương VIII)

Chương này quy định về: Bảo đảm biên chế, nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; sử dụng vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung nội dung về cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều luật và bỏ Điều luật quy định về cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam

2.7. Về cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương IX)

Chương này quy định về: Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu; các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu; kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu; cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; hệ cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Công an nhân dân; hệ cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân; thông tin về tình hình, kết quả thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú và thông tin cơ bản về người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; xây dựng cơ sở dữ liệu; lưu trữ, bảo quản cơ sở dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu; trao đổi dữ liệu giữa cơ

sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú và các cơ sở dữ liệu khác liên quan.

Việc bổ sung chương này nhằm luật hoá các quy định đã tương đối ổn định, trong quá trình thực hiện không phát sinh khó khăn, vướng mắc đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 121/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam.

2.8. Về kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương X) và khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương XI)

- Về kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương X) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú và trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương XI), Chương này có 02 mục gồm: (1) Mục 1 quy định khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, của người bị khiếu nại; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân; thời hạn giải quyết khiếu nại và gửi quyết định giải quyết khiếu nại; hồ sơ giải quyết khiếu nại; trình tự, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; thủ tục, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; (2) Mục 2 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, của người bị tố cáo; hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo; trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, các Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung nội dung về cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều luật.

2.9. Về trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương XII)

Chương này quy định về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ: Công an, Quốc phòng, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này giữ nguyên số điều, trong đó sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc Phòng và các bộ liên quan xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng mô hình cơ sở giam giữ, các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối hợp với Bộ Công an và các bộ liên quan xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng mô hình cơ sở giam giữ, các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ.

2.10. Về điều khoản thi hành (Chương XIII), trong đó quy định thời điểm Luật có hiệu lực thi hành và quy định chi tiết, đồng thời, bổ sung thời điểm có hiệu lực thi hành đối với quy định về giám sát điện tử cho phù hợp.

VI. DỰ KIẾN, NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cần bảo đảm các nguồn lực sau đây:

- Kinh phí ban đầu khi mua sắm, trang bị thiết bị giám sát điện tử, chi phí xây dựng Trung tâm giám sát điện tử, chi phí duy trì hoạt động của các thiết bị có liên quan.

- Kinh phí thiết kế, triển khai xây dựng mới hoặc nâng cấp đồng bộ mô hình cơ sở giam giữ (nâng cấp cơ sở vật chất; trang bị máy móc; phương tiện kỹ thuật; chi phí vận hành, bảo dưỡng hệ thống, trung tâm chỉ huy, điều hành, công trình thuộc cơ sở giam giữ); đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo đảm triển khai mô hình cơ sở giam giữ ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua; kinh phí nghiên cứu ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đây là các khoản chi phí cần thiết và tất yếu để triển khai thi hành Luật và nâng cao chất lượng quản lý tại cơ sở giam giữ hiện nay, trong thời gian tới. Trong đó, việc triển khai quy định về ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam (giám sát điện tử, hoàn thiện mô hình cơ sở giam giữ, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu...) nhằm cụ thể hóa chính sách của Đảng (Nghị quyết số 36/NQ-TW; Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;...), đang được triển khai trên thực tế với lộ trình cụ thể, được điều chỉnh thực hiện theo từng giai đoạn, phù hợp điều kiện ngân sách nhà nước, đặc điểm địa bàn với nguyên tắc tối ưu hóa cơ sở vật chất, hệ thống, thiết bị, phương tiện, nguồn lực hiện có, hạn chế tối đa phát sinh chi từ ngân sách nhà nước. Do đó, nguồn kinh phí bảo đảm chi phí nêu trên sẽ được cân đối từ ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác; ngân sách nhà nước bảo đảm trên thực tế là không lớn và khả thi.

2. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú sau khi được Quốc hội thông qua, về cơ bản, nguồn nhân lực bảo đảm là đội ngũ nhân lực hiện đang được giao thực hiện nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1)..... (2).....(3).....).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo)
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, V03.

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang